

Bản án số: 18/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 22-5-2018

V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – TP HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi và ông Nguyễn Hạ Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2018/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T - sinh năm 1996 (có mặt)

Nguyên quán: xã T3, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã H, huyện U, TP. Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1 – sinh năm 1991 (vắng mặt)

Sinh trú quán: Thôn B, xã H, huyện U, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn, biên bản tự khai, biên bản hòa giải chị Trần Thị T là nguyên đơn trình bày: Chị và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H năm 2013. Sau khi kết hôn, chị phát hiện anh T1 nghiện ma túy, chơi bời không tu chí làm ăn, lo toan vun vén gia đình. Đồng thời anh T1 thường xuyên xin tiền, những lúc chị không có tiền đưa thì anh chửi, đánh. Chị và gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng anh không thay đổi. Vì vậy, đầu năm 2016 chị đưa hai con về nhà ngoại sống ly thân. Trong thời gian đó, bố mẹ chồng chị đã cai nghiện cho anh T1 tại nhà. Sau khi cai nghiện, anh T1 và bố mẹ chồng có đến nhà ngoại nói xin lỗi, hứa sẽ sửa đổi nên vợ chồng đoàn tụ. Xong khi về chung sống thì anh T1 không hề thay đổi. Chị đã nhẫn nhịn cố gắng khuyên bảo và nhờ hai bên gia đình, bạn bè khuyên nhưng không được. Vì vậy, tháng 01/2018 chị lại về quê ngoại sống ly thân với anh T1 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị cương quyết xin ly hôn anh T1. Về con chung, chị và anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Minh P – sinh ngày 14/11/2012 và Nguyễn Trà M – sinh ngày 07/4/2014; khi ly hôn chị đề nghị mỗi người nuôi một và chị nhận nuôi cháu My còn anh T1 nuôi cháu Phúc không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản và công nợ chung, chị không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải anh Nguyễn Văn T1 là bị đơn trình bày: quá trình tìm hiểu, kết hôn và chung sống giữa anh với chị T đúng như chị T trình bày. Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H năm 2013. Sau khi kết hôn, thì hai vợ chồng chung sống bình thường không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Anh cũng thừa nhận đôi khi vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh chơi bời không tu chí làm ăn, lo toan vun vén hạnh phúc cho gia đình. Từ đầu tháng 01/2018 thì chị T đưa cháu My về quê ngoại ở. Anh đã đến động viên chị T quay về đoàn tụ chung sống nhưng chị T không về. Đến nay chị T có đơn xin ly hôn, quan điểm của anh là anh lúc nào cũng mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị T cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa giải quyết theo nguyện vọng của chị T. Về con chung, anh và chị T có 02 con chung như chị T trình bày là Nguyễn Minh P – sinh ngày 14/11/2012 và Nguyễn Trà M – sinh ngày 07/4/2014, nếu ly hôn thì anh cũng đề nghị Tòa giải quyết mỗi người nuôi một và anh nhận nuôi cháu Phúc còn chị T nuôi cháu My không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản và công nợ chung, anh không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh T1 vắng mặt, chị T có mặt và giữ nguyên ý kiến. Chị T không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1. Về con chung: giao chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Trà M - sinh ngày 07/4/2014; giao anh T1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Minh P – sinh ngày 14/11/2012. Chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đọc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị T đã làm đơn ly hôn theo mẫu và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia

đình, Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo hòa giải Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập anh Nguyễn Văn T1 đến Tòa án làm việc theo đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T1 không có mặt. Hội đồng xét xử đã mở phiên tòa ngày 27/4/2018 nhưng do sự vắng mặt của anh T1 nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, tại phiên tòa hôm nay mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng anh T1 vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 29/7/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T1 nghiện ma túy, không tu chí làm ăn thường xuyên chơi bời và luôn chửi đánh chị. Vợ chồng đã có thời gian sống ly thân rồi quay về đoàn tụ nhưng vẫn xảy ra mâu thuẫn, anh T1 vẫn không hề thay đổi. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị cương quyết xin ly hôn anh T1. Về phía anh T1, anh cũng thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh chơi bời, không tu chí làm ăn lo toan vun vén hạnh phúc gia đình. Chị T có đơn xin ly hôn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị T cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa giải quyết theo đơn của chị T. Mặc dù anh T1 mong muốn đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, hơn nữa qua xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: anh T1 có biểu hiện nghiện ma túy và vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh T1 chơi bời, không tu chí làm ăn, nhiều lần anh T1 còn chửi đánh chị T. Hai vợ chồng chị T, anh T1 đã có thời gian sống ly thân sau đó đoàn tụ và đến đầu năm 2018 thì lại ly thân. Nay chị T có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa giải quyết đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ cho chị T được ly hôn anh T1.

Xét thấy, cuộc sống vợ chồng chị T và anh T1 không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hai vợ chồng lại sống ly thân được một thời gian. Căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn T1 đều xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Minh P – sinh ngày 14/11/2012 và Nguyễn Trà M – sinh ngày 07/4/2014. Chị T và anh T1 đều thống nhất mỗi người nuôi một, chị T nuôi cháu My còn anh T1 nuôi cháu Phúc.

Xét thấy, việc thỏa thuận về con chung giữa chị T và anh T1 không trái đạo đức, không trái pháp luật. Vì vậy, giao chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Trà M – sinh ngày 07/4/2014; giao anh T1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Minh P – sinh ngày 14/11/2012; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với chị T và anh T1 cho đến khi có thay đổi khác. Chị T và anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn T1 đều không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Giao chị Trần Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Trà M – sinh ngày 07/4/2014; giao anh Nguyễn Văn T1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Minh P– sinh ngày 14/11/2012; Tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với chị T và anh T1 cho đến khi có thay đổi khác. Chị T và anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008559 ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội ;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thanh Minh